

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 22 – 9 – 2024.

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Ông Trịnh Văn Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh, kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 161/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn A, xã AT, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn A, xã AT, huyện T K, tỉnh Hải Dương.

(Chị Q và anh C vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn, chị Vũ Thị Q trình bày: Chị và anh Đỗ Văn C tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn, được UBND xã AT, huyện TK, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/4/2009. Sau kết hôn, vợ chồng chị sống gia đình anh C tại địa phương được một thời gian và vợ chồng vào trong tỉnh Đắk Nông sinh sống, làm ăn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời

gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không chia sẻ được với nhau. Vợ chồng không tập trung kinh tế dẫn đến bất hòa, cãi vã, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng đỉnh điểm nên từ cuối năm 2011, chị về nhà mẹ đẻ ở thôn K, xã VA, huyện VB, thành phố Hải Phòng sống ly thân với anh C cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ để chung sống nên chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C .

Về con chung: Chị Q và anh C có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Hoàng A , sinh ngày 12/4/2010. Hiện đang sống cùng với anh C . Chị Q thống nhất anh C chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý theo yêu cầu của anh C .

Về tài sản chung và nợ chung, tài sản riêng, nợ riêng: Hai vợ chồng tự thỏa thuận nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/8/2024, anh Đỗ Văn C thể hiện quan điểm anh đồng ý ly hôn với chị Q . Anh và chị Q có 01 con chung như chị Q trình bày, con chung hiện nay đang sống cùng với anh. Anh C đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt anh do anh bận C việc làm ăn, không thể về tham gia tố tụng và phiên tòa. Đồng thời anh cũng đề nghị Tòa án giao các văn bản tố tụng cho người thân của anh để người thân thông tin đến anh cho anh biết.

Kết quả làm việc với Ủy ban nhân dân xã và các đoàn thể xã AT, trưởng thôn A đều cung cấp: Anh Đỗ Văn C và chị Vũ Thị Q có đăng ký tại UBND xã AT, huyện TK vào ngày 24/4/2009. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống cùng bố mẹ anh C ở thôn A, xã AT, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không chia sẻ được với nhau, vợ chồng không tập trung kinh tế. Vợ chồng mâu thuẫn nên chị Q đã bỏ về nhà mẹ đẻ, không chung sống với nhau từ năm 2011 cho đến nay. Anh C và chị Q có 01 con chung là Đỗ Thị Hoàng A , sinh ngày 12/4/2010, hiện nay cháu Hoàng A ở với anh C . Nay chị Q xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh C thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ chị Vũ Thị Q) có văn bản cung cấp thông tin thể hiện: Chị Q kết hôn với anh C từ năm 2009 và đã có với nhau một con chung là cháu Đỗ Thị Hoàng A sinh ngày 12/4/2010. Sau một thời gian chung sống hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và xô xát. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên can và hòa giải nhưng không thành nên chị Q đã bỏ về nhà sống cùng bà Mát từ tháng 11/2011 đến hiện tại.

Kết quả làm việc với ông Đỗ Xuân L (bố đẻ anh Đỗ Văn C) thể hiện: Anh C và chị Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã AT, huyện TK vào ngày 24/4/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống với ông Lánh một thời gian ngắn sau đó vào trong tỉnh Đắk Nông sinh sống, làm ăn. Vài năm sau, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị Q bỏ về nhà mẹ đẻ sống. Thời gian chị Q bỏ về

nhà mẹ đẻ thì gia đình ông L sang đón chị Q về nhà sống nhưng chỉ ở được vài tháng sau đó chị Q lại bỏ về nhà mẹ đẻ. Từ năm 2011, Chị Q và anh C đã không chung sống với nhau cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Q xin ly hôn anh C, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh C và chị Q có 01 con chung là Đỗ Thị Hoàng A, sinh ngày 12/4/2010, hiện nay cháu A đang ở với anh C. Trường hợp Tòa án giao con chung cho anh C chăm sóc nuôi dưỡng thì gia đình ông hỗ trợ anh C trong việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, đã được triệu tập hợp lệ và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Q được ly hôn với anh C; Giao con chung Đỗ Thị Hoàng A sinh ngày 12/4/2010 cho anh C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Q không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị Q và anh Đỗ Văn C đã được tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Q và anh Đỗ Văn C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã AT, huyện TK, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/4/2009 nên hôn nhân giữa chị Q và anh C là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng mâu thuẫn nên chị Q yêu cầu ly hôn với anh C. Căn cứ vào lời trình bày của chị Q và biên bản xác minh tại địa phương, lời trình bày của ông L (bố đẻ của anh C) và lời trình bày của bà M (mẹ đẻ chị Q) cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Q và anh C là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong tính cách, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2011, mỗi người có cuộc sống riêng. Đối với anh C, mặc dù vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nhưng anh C biết việc chị Q yêu cầu ly hôn với anh, Tòa án đang giải quyết và anh C cũng có ý kiến đồng ý ly hôn

với chị Q . Qua đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, chị Q và anh C không còn mong muốn tiếp tục cùng nhau chung sống, vun đắp và xây dựng gia đình, mục đích hôn nhân giữa anh, chị không đạt được nên căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q , xử cho chị Q được ly hôn với anh C

[3] Về con chung: Chị Q và anh C có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Hoàng A , sinh ngày 12/4/2010. Hiện cháu Hoàng A đang ở với anh C . Chị Q đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu. Xét trong quá trình giải quyết vụ án, chị Q cung cấp đơn đề nghị của cháu Hoàng A thể hiện cháu có nguyện vọng muốn sống cùng với bố là anh Đỗ Văn C . Tại phiên tòa, chị Q cũng thống nhất việc anh Đỗ Văn C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu A. Tuy anh C vắng mặt, không thể hiện quan điểm của anh về việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung nhưng xét thấy hiện nay, cháu Hoàng A đang sống ổn định cùng với anh C và có nguyện vọng muốn sống với anh C . Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển toàn diện của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, tiếp tục giao cháu Đỗ Thị Hoàng A cho anh Đỗ Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, anh C không có yêu cầu về cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vũ Thị Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội vềán phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội vềán phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị Q . Xử cho chị Vũ Thị Q được ly hôn với anh Đỗ Văn C .

[2] Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Đỗ Thị Hoàng A , sinh ngày 12/4/2010 cho anh Đỗ Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) (con chung đang sống cùng với anh C). Chị Vũ Thị Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị Q phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số 0005582 ngày 03 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

[4] Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Vũ Thị Q và anh Đỗ Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết C khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã AT, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mỹ Như